

Số: /2017/QĐ-UBND

Gia Lai, ngàytháng năm 2017

DỰ THẢO LẦN 1

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ), Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban ĐĐ-KT TW;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy; TTr. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2017/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết, cụ thể hóa các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, quy định hình thức động viên của tỉnh, bao gồm: Hình thức, nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn ghi nhận, động viên của tỉnh; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng và chế độ sử dụng; hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng khoa học, sáng kiến các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Nguyên tắc thi đua được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 10 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) và theo nguyên tắc sau:

1. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, hộ gia đình, cá nhân là công chức, viên chức, công nhân trực tiếp sản xuất, nông dân sản xuất giỏi, công chức, viên chức công tác ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh; các lĩnh vực trọng yếu, khó khăn, độc

hại, nguy hiểm; cá nhân, tập thể từ khó khăn, yếu kém vươn lên, cá nhân là nữ; người dân tộc thiểu số.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm theo dõi, xem xét quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho cấp dưới trực tiếp, khi phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc.

3. Trong một năm, chỉ trình một hình thức khen thưởng cấp tỉnh, cấp nhà nước, trừ các trường hợp khen thưởng thành tích theo chuyên đề, đột xuất.

4. Người đứng đầu tập thể chỉ được khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng khi tập thể được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ (đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của cấp Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, cơ sở) hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trở lên), trừ khen thưởng chuyên đề, đột xuất.

5. Khen thưởng chuyên đề (theo đợt) chủ yếu xét, đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện các nội dung, tiêu chí thi đua đã được xây dựng và cụ thể hóa trong thực hiện nhiệm vụ, lao động, sản xuất. Các tập thể, cá nhân phối hợp thực hiện, chỉ đạo chung hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên của ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị thì không đề nghị khen thưởng theo chuyên đề (theo đợt), thành tích sẽ được tổng hợp để xét khen thưởng vào thời điểm tổng kết năm công tác.

Trong một năm chỉ đề nghị khen thưởng không quá 02 lần đối với tập thể và cá nhân tham gia nhiều chuyên đề thi đua. Thành tích tham gia các chuyên đề thi đua khác sẽ được tổng hợp để xét khen thưởng toàn diện vào dịp tổng kết năm công tác.

6. Đối với các phong trào thi đua theo chuyên đề được tổ chức trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các ngành, địa phương, đơn vị thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có thời gian từ 01 năm trở lên phải gửi kế hoạch tổ chức phát động thi đua về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

7. Khen thưởng thành tích đạt được trong các hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan, lễ hội, tổng điều tra, bầu cử... chủ yếu khen các tập thể, cá nhân tham gia trực tiếp và đoạt các giải thưởng theo quy chế, thể lệ của hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan, lễ hội, tổng điều tra, bầu cử... trên địa bàn tỉnh.

Đối với khen thưởng cho tập thể, cá nhân đoạt giải cao trong các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế; cấp khu vực (Đông Nam Á, Châu Á, Châu Á Thái Bình Dương); cấp Quốc gia thuộc các lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Thể dục - Thể thao, Văn học - Nghệ thuật, Thông tin - Truyền thông, thực hiện theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh

8. Đối với cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động thuộc quản lý của các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đứng chân trên địa bàn tỉnh, huyện, thị xã, thành phố có tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố phát động, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua và các cuộc vận động, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo quy định.

9. Các tập thể thuộc quản lý của các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đứng chân trên địa bàn tỉnh tham gia thi đua và đạt thành tích xuất sắc, dẫn đầu các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức được xét tặng Cờ thi đua hàng năm theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 13 của quy định này.

10. Cán bộ, công chức vi phạm pháp luật về giao thông; cơ quan, tổ chức có nhiều cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật về giao thông không được xét, tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

11. Tập thể có dưới 5 người không bình xét danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”. Không xét khen thưởng cho các tập thể hoặc cá nhân khi sở, ngành, địa phương, đơn vị tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo...

Điều 5. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội Vụ (gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BNV).

Chương II

THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

HÌNH THỨC, PHẠM VI VÀ NỘI DUNG THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua, phạm vi và nội dung thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

2. Phạm vi thi đua:

a) Toàn tỉnh;

b) Sở, ban, ngành, đoàn thể; huyện, thị xã, thành phố, cơ sở và doanh nghiệp;

c) Các cụm, khối thi đua.

3. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

Đối với các phong trào thi đua theo chuyên đề được tổ chức trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị có thời gian từ 01 năm trở lên phải gửi kế hoạch tổ chức phát động thi đua về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

Điều 7. Trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo và phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh; đánh giá, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động các phong trào và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện); các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cổ phần hóa; thủ trưởng các đơn vị hành chính, sự nghiệp từ tỉnh đến cơ sở chủ trì tổ chức phát động phong trào thi đua; tổ chức tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phạm vi quản lý của mình để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Phòng (hoặc văn phòng) phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố; bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh, các xã, phường, thị trấn: có trách nhiệm tham mưu giúp lãnh đạo và Hội đồng thi đua - khen thưởng cơ quan, địa phương, đơn vị, cơ sở tổ chức các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi quản lý.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức và phối hợp với cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn

tinh. Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng, kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí của tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, các trang thông tin điện tử, các bản tin của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước.

Báo Gia Lai, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền các phong trào thi đua. Dành nhiều thời lượng, mở thêm chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền những thành quả của các phong trào thi đua trên các lĩnh vực của đời sống, xã hội; phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt.

6. Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Hội Nhà Báo, Báo Gia Lai, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh duy trì việc phát hành sách “Giữa rừng hoa đẹp” hàng năm; định kỳ tổ chức cuộc thi viết về gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến nhằm phát hiện, phổ biến, nêu gương tập thể, cá nhân điển hình, gương người tốt, việc tốt; tập thể, cá nhân Anh hùng, Chiến sĩ thi đua trong thời kỳ đổi mới, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể theo quy định tại Điều 20 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Thẩm quyền xét đề nghị và quyết định công nhận các danh hiệu thi đua thực hiện theo các Khoản 45, 46, 47 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

Thời điểm xét, đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ hai.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

b) Đạt một trong các điều kiện sau:

- Chủ nhiệm hoặc thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học (gồm cả đề tài nhánh) đã được nghiệm thu, đánh giá mức đạt trở lên; được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trên toàn tỉnh.

- Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trên toàn tỉnh.

2. Đối với công nhân, nông dân, người lao động đạt tiêu chuẩn sau:

Có sáng kiến hoặc mô hình sản xuất áp dụng hiệu quả trong lao động, sản xuất được phổ biến cho bà con nông dân và người lao động áp dụng đạt hiệu quả cao (trường hợp, nếu trong năm cá nhân có sáng kiến, mô hình sản xuất áp dụng hiệu quả trong lao động, sản xuất được áp dụng rộng rãi trong phạm vi cấp cơ sở thì được đề nghị Chiến sĩ thi đua cơ sở; trường hợp sáng kiến hoặc mô hình sản xuất được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trên toàn tỉnh hoặc rộng hơn thì đề nghị Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, không xem xét đến tiêu chuẩn 03 năm liên tục là chiến sĩ thi đua cơ sở (đối với đề nghị Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh).

3. Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

4. Ngoài những tiêu chuẩn trên, các đối tượng sau đây phải đạt điều kiện:

a) Đối với cá nhân là lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, lãnh đạo cấp phòng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Năm đề nghị khen thưởng đơn vị phải được cấp có thẩm quyền đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Đối với cá nhân là Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Đối với cá nhân là lãnh đạo các tổ chức kinh tế: Năm đề nghị khen thưởng đơn vị phải hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thực hiện kịp thời đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" được xét tặng mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm công tác cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn:

1. Là Lao động tiên tiến, Chiến sỹ tiên tiến;

2. Đạt một trong các điều kiện sau:

a) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc mô hình sản xuất áp dụng hiệu quả trong lao động, sản xuất để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận.

b) Có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu ở mức đạt trở lên được ứng dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ sở công nhận.

3. Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc các doanh nghiệp thuộc tỉnh xem xét, công nhận.

4. Tỷ lệ công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân được công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân là lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; lãnh đạo các huyện (huyện ủy, thị ủy, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân), lãnh đạo các Doanh nghiệp thuộc tỉnh:

Căn cứ mức độ và phạm vi ảnh hưởng của thành tích, sáng kiến đạt được của từng cá nhân để bình xét đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và không tính vào tỷ lệ (%) của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị khi xét danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

Điều 12. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” được xét công nhận mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm công tác cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối tượng xét, tặng danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”, bao gồm cá nhân đang công tác trong các lực lượng: Công an xã, thị trấn; Ban Bảo vệ dân phố; Đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở.

Điều 13. Cờ thi đua của Chính phủ

1. Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, 3 Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Khoản 1, 3 Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh xét chọn không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, để đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh: Hàng năm, trên cơ sở so sánh mức độ thành tích của tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để lựa chọn trình Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 14. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Điều 8 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo khối, cụm thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố tổ chức hoặc khi tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề.

3. Đối tượng tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các địa phương, doanh nghiệp tham gia vào cụm, khối thi đua của tỉnh và được bình xét là đơn vị dẫn đầu của cụm, khối thi đua do các cụm, khối thi đua của tỉnh suy tôn.

b) Các xã, phường, thị trấn, các phòng, ban, đơn vị, trường học thuộc cấp huyện; các phòng, ban, đơn vị thuộc sở, ban, ngành, do sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố bình xét suy tôn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” quy định như sau:

- Các sở, ban, ngành, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh có nhiều đơn vị trực thuộc có tổ chức cụm, khối thi đua; hàng năm có tổ chức phát động thi đua, ký kết giao ước thi đua, kết thúc năm công tác bình xét, suy tôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua. Riêng các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Giao thông vận tải; Liên minh Hợp tác xã, căn cứ số lượng khối, cụm thi đua trực thuộc để bình xét, suy tôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng mỗi khối, cụm 01 Cờ thi đua.

- Lực lượng vũ trang (Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh) bình xét, suy tôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua với số lượng như sau:

+ Công an tỉnh: Bình xét, suy tôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng nhiều nhất là 05 Cờ thi đua, trong đó 03 Cờ thi đua tặng cho tập thể tiêu biểu, dẫn đầu Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, gồm 01 tập thể khối cấp xã (xã, phường, thị trấn), 01 tập thể khối các tổ chức kinh tế, 01 tập thể khối các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; 02 Cờ thi đua cho tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu 02 khối thi đua: Khối các phòng, đơn vị trực thuộc Công an tỉnh (An ninh, Cảnh sát, Xây dựng lực lượng - Hậu Cần), Khối Công an địa phương (Công an huyện, thị xã, thành phố).

+ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Bình xét, suy tôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng nhiều nhất là 03 Cờ thi đua cho 03 tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu các khối: Khối các cơ quan, nhà trường và Trung đoàn trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Khối quân sự địa phương (Ban chỉ huy quân sự cấp huyện); khối Dân quân tự vệ.

+ Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Bình xét, suy tôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 02 Cờ thi đua cho 01 tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua khối các phòng, cơ quan trực thuộc và 01 tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua khối các đồn Biên phòng.

- Các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ vào số lượng cụm, khối thi đua, các huyện, thị xã, thành phố bình xét, suy tôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng mỗi cụm, khối 01 Cờ thi đua cho tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị tiên tiến”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” thực hiện theo quy định tại Điều 27, 28 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm công tác.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc":

a) Đối với cấp tỉnh: Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các phòng thuộc chi cục và tương đương chi cục;

b) Đối với cấp huyện: Các phòng, ban và tương đương trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp xét tặng cho các đơn vị: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc trường học, bệnh viện như khoa, phòng và tương đương.

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Các đơn vị trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty liên doanh (do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cổ phần hóa) như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, đội sản xuất; các doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép kinh doanh và các hợp tác xã.

3. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”: Công an xã, thị trấn; Ban Bảo vệ dân phố; Đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở.

4. Đối với các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 02 năm (24 tháng) trở lên mới bình xét danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

Điều 16. Danh hiệu "Gia đình văn hóa", làng, thôn, tổ dân phố văn hóa

Điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 29, 30 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 17. Các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh; danh hiệu vinh dự Nhà nước, thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 18. Điều kiện để được công nhận là tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ khi đạt các điều kiện:

- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có trên 50% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, không có cá nhân vi phạm kỷ luật;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Hàng năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc hoặc Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tập thể có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; không có cá nhân vi phạm kỷ luật; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức cơ sở Đảng được xếp loại từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với tập thể có tổ chức đảng); tổ chức đoàn thể đạt vững mạnh trở lên. Đối

với tập thể không có tổ chức Đảng, đoàn thể phải là tập thể đoàn kết nội bộ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 19. Về quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp: Thực hiện theo Quyết định số /201.../QĐ-TTg ngày tháng năm 201... của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.

Điều 20. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Đối với tập thể: Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Hồ Chí Minh, 10 năm đối với Huân chương Độc lập, 05 năm đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động; 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Giấy khen; 01 năm đối với Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với cá nhân: Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Độc lập, 05 năm đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 06 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, 03 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh; 02 năm đối với Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 01 năm đối với Chiến sỹ thi đua cơ sở và Giấy khen.

Căn cứ thành tích đạt được của tập thể, cá nhân, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của sở, ngành, địa phương, đơn vị đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

Mục 2

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG CẤP TỈNH VÀ CƠ SỞ

Điều 21. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Những cá nhân lập được thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do tỉnh, sở, ngành, địa phương, đơn vị phát động;

c) Lập được thành tích đột xuất, gương người tốt - việc tốt, gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động từ thiện xã hội... có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi tỉnh;

d) Cá nhân thuộc các cơ quan, doanh nghiệp trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia thi đua và đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua và các cuộc vận động của tỉnh;

đ) Cá nhân có quá trình công tác lâu dài, có cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Gia Lai nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập ngành, địa phương, đơn vị vào các năm chẵn (10 năm, 20 năm,...), năm tròn (5 năm, 15 năm...).

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Lập được thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do tỉnh phát động;

c) Xã, phường, thị trấn 05 năm liên tục được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

d) Thôn (buôn, làng), tổ dân phố văn hoá tiêu biểu trong số thôn (buôn, làng), tổ dân phố 05 năm liên tục đạt danh hiệu “Thôn (buôn, làng) văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá”;

đ) Tập thể thuộc các cơ quan, doanh nghiệp trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia và đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua và các cuộc vận động của tỉnh;

e) Tập thể tiêu biểu có đóng tích cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Gia Lai nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập ngành, địa phương, đơn vị vào các năm chẵn (10 năm, 20 năm,...), năm tròn (5 năm, 15 năm...).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, Gia đình không có thành viên vi phạm, hành nghề mê tín dị đoan, cờ bạc và các tệ nạn xã hội và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hộ gia đình tiêu biểu trong số hộ gia đình 10 năm liên tục đạt danh hiệu hộ “Gia đình văn hóa”.

b) Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ **200 triệu đồng** trở lên (đối với vùng thuận lợi) hoặc từ **100 triệu đồng** trở lên (đối với vùng khó khăn).

c) Các trường hợp khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 22. Giấy khen

1. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, kết thúc năm công tác hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã xem xét, quyết định tặng thưởng giấy khen.

2. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen thực hiện theo quy định tại Khoản 42 Điều 1 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 hoặc đạt tiêu chuẩn quy định trong các phong trào thi đua, các đợt thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương phát động; hoặc thôn, (buôn, làng) tổ dân phố tiêu biểu trong số thôn (buôn, làng) tổ dân phố 03 năm liên tục đạt danh hiệu thôn (buôn, làng) tổ dân phố văn hoá; hoặc xã, phường, thị trấn 03 năm liên tục được công nhân đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3. Đối với công nhân, nông dân và người lao động, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) gương mẫu đi đầu trong việc chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

b) Tích cực lao động, sản xuất có hiệu quả và có mô hình, sáng kiến được áp dụng trong lao động, sản xuất và hỗ trợ giúp đỡ người khác trong lao động, sản xuất và trong sinh hoạt tại khu dân cư sinh sống.

4. Giấy khen tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a. Hộ gia đình tiêu biểu trong số hộ gia đình 03 năm liên tục đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”

b. Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

Điều 23. Cờ “Vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai”

Cờ “Vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai” được xét tặng cho tập thể có quy mô lớn là cấp sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp thuộc tỉnh và Trung ương đứng chân trên địa bàn tỉnh. Đây là hình thức ghi nhận quá trình xây dựng, phát triển của ngành, địa phương, đơn vị đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai;

2. Có quá trình xây dựng và phát triển từ 05 năm trở lên;

3. Có tổ chức lễ kỷ niệm vào các năm chẵn (10 năm, 20 năm ...), năm tròn (05 năm, 15 năm, 25 năm ...);

4. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; 05 năm liên tục trước thời điểm đề nghị, tổ chức cơ sở Đảng

được xếp loại từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và các tổ chức đoàn thể đạt vững mạnh.

Điều 24. Huy hiệu tỉnh Gia Lai

“Huy hiệu tỉnh Gia Lai” xét tặng cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và người không quốc tịch có thành tích hoặc có quá trình công hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Gia Lai, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định tên gọi Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu tỉnh Gia Lai.

Chương IV THỦ TỤC, HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Mục 1 NGUYÊN TẮC BÌNH XÉT, TUYỂN TRÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 25. Nguyên tắc bình xét

1. Việc xét khen thưởng được tiến hành sau khi kết thúc một năm công tác, một cuộc vận động, một đợt thi đua theo chuyên đề; hoặc khi phát hiện tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến xuất sắc.

2. Việc bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Tập thể, cá nhân khi được bình xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng phải đảm bảo tỷ lệ phiếu đồng ý theo quy định như sau:

a) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc; danh hiệu vinh dự Nhà nước: “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sĩ, Nghệ nhân (nhân dân, ưu tú), Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng phải họp và bỏ phiếu kín; tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

b) Danh hiệu “Cờ Thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp đó.

c) Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp đó.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Cờ “Vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai”, danh

hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Huy hiệu tỉnh Gia Lai”.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị, xã, thành phố, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc các doanh nghiệp thuộc tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và Giấy khen.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hóa”, Giấy khen cho cán bộ, công chức, cá nhân đảm nhận các chức danh cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, công nhân, nông dân và người lao động thuộc quản lý của cấp xã. Đồng thời xét, đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với cá nhân và tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” đối với Công an xã, thị trấn, Ban bảo vệ dân phố, Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

Đối với lực lượng dân quân tự vệ thực hiện theo quy định sau:

- Đối với tập thể, cá nhân đơn vị lực lượng dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội thuộc xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

- Đối với tập thể, cá nhân đơn vị lực lượng dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn thuộc huyện do Ban Chỉ huy Quân sự huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

- Đối với tập thể, cá nhân Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở do Thủ trưởng cơ quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

4. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, có thể ủy quyền (bằng văn bản) cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, có tư cách pháp nhân, có tổ chức đảng, đoàn thể trực thuộc sở, ban, ngành của tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc đơn vị quản lý và chịu trách nhiệm đối với sự ủy quyền này.

Điều 27. Về tuyên trình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Khoản 2,3 Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV và theo các quy định sau:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cấp tỉnh xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng cho đoàn viên, hội viên khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua và các cuộc vận động theo chuyên đề liên quan đến quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

2. Đối với các hội ở tỉnh và các địa phương:

a) Các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

b) Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

3. Đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo:

a) Tập thể, cá nhân trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

b) Tập thể, cá nhân trong các trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cao đẳng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

4. Các doanh nghiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng gồm: Doanh nghiệp có tổ chức Đảng trực thuộc Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh; doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cổ phần hoá, quyết định thành lập.

Đối với các tổ chức kinh tế khác do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có trụ sở đóng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố nào thì huyện, thị xã, thành phố đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên xét khen thưởng.

5. Cục Thuế tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, triển khai, phối hợp, thực hiện chính sách thuế.

6. Ban An toàn giao thông tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân tiêu biểu, gương mẫu, có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua “Gia Lai chung tay vì an toàn giao thông”.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua “Gia Lai chung sức xây dựng nông thôn mới”

8. Sở Lao động – Thương binh và xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua “Gia Lai chung tay vì người nghèo”.

9. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân là các doanh nhân, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhân ngày 13/10 hằng năm.

10. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực thuộc,

có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua và các cuộc vận động của tỉnh, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Điều 28. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm về thủ tục, nội dung hồ sơ, thành tích khi trình cấp trên khen thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng.

Điều 29. Hiệp y khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến hiệp y khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) thực hiện.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý (có hệ thống tổ chức ngành dọc ở tỉnh), khi trình các hình thức khen thưởng cấp tỉnh hoặc đề nghị khen thưởng cấp nhà nước phải lấy ý kiến hiệp y của sở, ban, ngành thuộc tỉnh có chức năng quản lý ngành và lĩnh vực đó bao gồm:

a) Đối tượng đề nghị khen thưởng: Về tổ chức là cấp trực thuộc trực tiếp Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị cùng cấp;

b) Hình thức khen thưởng phải lấy ý kiến hiệp y bao gồm: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”; các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

Mục 2 THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 30. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập hạng Nhất” và “Huân chương Quân công hạng Nhất”. Phải trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi trình khen thưởng.

3. Các hình thức khen thưởng: “Huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba”, “Huân chương Quân công hạng Nhì, hạng Ba”, “Huân chương Lao động”, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc”, “Huân chương Chiến công” và danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi trình khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước.

5. Đối với hồ sơ hiệp y thành tích đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị Trung ương

đóng trên địa bàn tỉnh: Khi có yêu cầu của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

6. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định và ký các văn bản hiệp y hoặc xác nhận thành tích khen thưởng do các cơ quan, địa phương, đơn vị trình khen thưởng theo chuyên đề thuộc thẩm quyền quyết định của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

7. Các tập thể, cá nhân qua phát hiện đề nghị khen thưởng, do cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp của tập thể, cá nhân đó tóm tắt thành tích và lập hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng.

8. Các Sở, ngành, địa phương, đơn vị khi trình khen thưởng thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, Nhà nước, ngoài hồ sơ giấy phải gửi kèm File điện tử của hồ sơ, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước và gửi qua hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành liên thông hoặc gửi qua địa chỉ email: vanthu.tdktgl@gmail.com (đối với các cơ quan, đơn vị chưa được triển khai thực hiện phần mềm Quản lý văn bản và điều hành liên thông). Ban Thi đua – Khen thưởng chỉ vào sổ tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng của đơn vị khi đồng thời nhận hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử.

9. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) thực hiện công khai lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân, công dân trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử của Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) đối với các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng Danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Điều 31. Thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, có 02 bộ (bản chính) gồm:

1. Tờ trình của cấp trình khen;
2. Báo cáo thành tích theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;
3. Báo cáo tóm tắt hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài khoa học đã được nghiêm thu và ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn;
4. Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen;

Điều 32. Thủ tục, hồ sơ xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm. Ban Thi đua – Khen thưởng (Sở Nội vụ) thẩm định thủ tục, hồ sơ, thành tích trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

3. Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” có 02 bộ (bản chính), gồm:

- Tờ trình đề nghị của cấp trình khen;
- Báo cáo thành tích của tập thể theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;
- Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen;

Điều 33. Thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị Quyết thắng", "Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh", có 02 bộ (bản chính) gồm :

- Tờ trình đề nghị của cấp trình khen;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;
- Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen;

4. Hồ sơ đề nghị: Trình danh hiệu thi đua riêng (đối với mỗi danh hiệu thi đua), hình thức khen thưởng riêng.

Điều 34. Thủ tục, hồ sơ xét tặng Cờ “Vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai” nhân kỷ niệm ngày truyền thống của ngành, địa phương, đơn vị, có 02 bộ (bản chính), gồm:

1. Tờ trình đề nghị của đơn vị;
2. Báo cáo tóm tắt thành tích về quá trình xây dựng và phát triển của ngành, địa phương, đơn vị (thời điểm báo cáo là 05 năm trước thời điểm đề nghị);
3. Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

Điều 35. Thủ tục, hồ sơ xét tặng “Huy hiệu tỉnh Gia Lai” , có 02 bộ (bản chính) gồm:

1. Tờ trình đề nghị của đơn vị;
2. Trích ngang thành tích của cá nhân.

Trong trường hợp do yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh thì thủ tục đề nghị xét tặng “**Huy hiệu tỉnh Gia Lai**” do Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) lập, bao gồm: Tờ trình kèm theo danh sách trích ngang của cá nhân được đề nghị.

Điều 36. Thủ tục, hồ sơ đơn giản

1. Các trường hợp được xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 thì thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản, có 02 bộ (bản chính) gồm có:

a) Tờ trình đề nghị của cấp trình khen.

b) Tóm tắt thành tích của đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản;

Điều 37. Thủ tục và hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 49, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Trường hợp cá nhân đề nghị khen thưởng do có phát minh, sáng chế, sáng kiến phải có báo cáo tóm tắt hiệu quả và phạm vi áp dụng của phát minh, sáng chế, sáng kiến kèm theo.

Hồ sơ các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ 04 bộ (bản chính), nếu thuộc đối tượng phải hiệp y gồm 05 bộ (bản chính); đối với đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước khen thưởng gồm 05 bộ (bản chính), thuộc đối tượng phải hiệp y gồm 06 bộ (bản chính).

Điều 38. Thủ tục và hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại và thu hồi hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 41, 42, 43 Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ.

Điều 39. Thời gian trình khen thưởng

1. Thời gian đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo công trạng và thành tích hàng năm: Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, các cụm, khối thi đua gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đến Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) chậm nhất trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

2. Đối với khen thưởng năm học: Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) chậm nhất trước ngày 15 tháng 07 hàng năm.

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, khen thưởng trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

4. Khen thưởng chuyên đề: Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đến Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước 15 ngày tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết các chuyên đề.

5. Khen thưởng đột xuất: Các sở, ban, ngành, đoàn thể; các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đến Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) vào các ngày làm việc trong tuần khi phát hiện thành tích đột xuất.

Điều 40. Thông báo kết quả khen thưởng

1. Các tập thể, cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng và đã được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm thông báo cho đơn vị trình khen biết.

2. Các tập thể, cá nhân không đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền khen thưởng thông báo) Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) thông báo cho đơn vị trình khen biết. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 41. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận các đối tượng được khen thưởng khi có yêu cầu.

Điều 42. Tổ chức nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

Chương V

QUỸ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG

Điều 43. Nguồn kinh phí, mức thưởng và chế độ ưu đãi

1. Nguồn kinh phí, mức thưởng và chế độ ưu đãi của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Điều 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Sở Tài chính phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác, động viên khen thưởng kịp thời và phù hợp với tình hình ngân sách chung của tỉnh.

2. Không chi tiền thưởng đối với các tập thể, cá nhân người nước ngoài, các tổ chức quốc tế; tập thể, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen về thành tích đóng góp, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, dịch họa, ủng hộ đóng góp công tác từ thiện xã hội; tập thể được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ “Vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai”, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng “Huy hiệu tỉnh Gia Lai”.

Các tập thể, cá nhân nêu tại khoản này, khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen được nhận vật phẩm lưu niệm của tỉnh.

Điều 44. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Việc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 64, 65, 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

1. Đối với cấp tỉnh giao cho Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ); cấp huyện giao cho Phòng Nội vụ cấp huyện có trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của cấp mình theo đúng quy định.

2. Ngoài các mức thưởng quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng quỹ khen thưởng để thưởng cho tập thể, cá nhân đoạt giải cao trong các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế; cấp khu vực (Đông Nam Á, Châu Á, Châu Á Thái Bình Dương); cấp Quốc gia thuộc các lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Thể dục - Thể thao, Văn học - Nghệ thuật, Thông tin - Truyền thông; tác giả của đề tài, tác phẩm, công trình đạt giải thưởng cấp tỉnh; gương “Người tốt, việc tốt” tiêu biểu; cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc cá nhân, tập thể lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong tấn công trấn áp các loại tội phạm bảo vệ tài sản của Nhà nước và của nhân dân; gương điển hình trong các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào những người con hiếu thảo, điển hình vượt khó... được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen. Mức thưởng do các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) và Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có thể vận dụng chi thưởng đột xuất tùy theo thành tích cụ thể, mức thưởng do Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định trên cơ sở cân đối từ nguồn quỹ khen thưởng được trích của các sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thị xã, thành phố.

4. Ngoài ra quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi cho một số nội dung phục vụ công tác thi đua, khen thưởng như: công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình, mô hình, gương người tốt, việc tốt; giao lưu điển hình tiên tiến; tổ chức cuộc thi viết về gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến; in, phát hành sách “Giữa rừng hoa đẹp” hàng năm; các cuộc họp Hội đồng, hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua, công tác thi đua, khen thưởng hàng năm; thù lao cho thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học, sáng kiến khi thẩm định hồ sơ khen thưởng, đánh giá mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu, khoa học; công tác kiểm tra, chỉ đạo, giám sát triển khai các phong trào thi đua và công tác khen thưởng và các nhiệm vụ khác phục vụ công tác thi đua, khen thưởng theo chủ trương và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo các cấp, các ngành.

Chương VI
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG;
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CÁC CẤP
Mục 1
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền; thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng và do Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.

Điều 45. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 46. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (gọi chung là cấp sở)

1. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

b) Hội đồng có từ 11 đến 13 thành viên, trong đó có 01 đến 02 Phó Chủ tịch, gồm cấp phó của người đứng đầu và Chủ tịch công đoàn cơ quan.

Các Ủy viên Hội đồng: Tùy theo mô hình tổ chức của các cơ quan, đơn vị sẽ phân công Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính hoặc Chánh Văn phòng làm Ủy viên Thường trực; các đồng chí trưởng các phòng, ban chuyên môn, lãnh đạo đoàn thanh niên làm ủy viên Hội đồng. Thư ký Hội đồng là cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp sở

a) Tham mưu cho Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh thực hiện các chủ trương chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Phòng hoặc Văn phòng Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh là bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp sở.

Điều 47. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

1. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Hội đồng có từ 13 đến 15 thành viên, trong đó có 01 Phó chủ tịch Thường trực và 02 Phó Chủ tịch Hội đồng. Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi lĩnh vực văn xã và Chủ tịch Liên đoàn lao động cấp huyện là Phó Chủ tịch kiêm nhiệm.

c) Các Ủy viên Hội đồng, gồm đại diện lãnh đạo các đơn vị: Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Công an, Quân sự, Hội Cựu chiến binh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thanh tra huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện (nếu xét khen thưởng theo năm học).

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các chủ trương chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Phòng Nội vụ cấp huyện là bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện. Thư ký Hội đồng là cán bộ chuyên trách về công tác thi đua, khen thưởng (Phòng Nội vụ cấp huyện).

Điều 48. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)

1. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

b) Hội đồng có từ 9 đến 11 thành viên, trong đó có 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Phó chủ tịch Hội đồng.

c) Các Ủy viên Hội đồng, gồm: Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân,

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Trưởng công an, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự, Công chức Văn phòng – Thống kê.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Công chức Văn phòng thống kê cấp xã làm nhiệm vụ giúp việc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã và là Thư ký Hội đồng.

Mục 2

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 49. Chức năng của Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp

Hội đồng Khoa học, sáng kiến là tổ chức tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trong việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học... làm căn cứ đề nghị cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và hình thức khen thưởng từ Bằng khen trở lên cho các cá nhân thuộc tỉnh.

Điều 50. Nhiệm vụ của Hội đồng khoa học, sáng kiến các cấp

1. Phối hợp với cơ quan, bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng tổ chức triển khai, phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo trong phạm vi toàn tỉnh, ngành, địa phương, đơn vị.

2. Đề ra những tiêu chí cơ bản về đề tài, sáng kiến.

3. Tiếp nhận, thẩm định, xét chọn những cá nhân có đề tài, sáng kiến trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh đã áp dụng đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao trong từng ngành, địa phương, đơn vị và có phạm vi ảnh hưởng ở đơn vị cơ sở, hoặc trong toàn tỉnh (được các địa phương, đơn vị trong tỉnh học tập và áp dụng có hiệu quả...) để làm căn cứ đề nghị khen thưởng.

4. Tổ chức phổ biến và nhân rộng các đề tài khoa học, sáng kiến có giá trị thực tiễn đến các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, học tập và áp dụng.

Điều 51. Thành phần Hội đồng khoa học, sáng kiến

1. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi lĩnh vực văn hóa - xã hội.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng gồm 01 Phó Chủ tịch Thường trực là Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ); 02 Phó Chủ tịch là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh;

c) Các Ủy viên Hội đồng, gồm đại diện lãnh đạo các đơn vị: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh làm ủy viên. Khi có yêu cầu, Hội đồng mời thêm các chuyên gia của các ngành, lĩnh vực tham gia với tư cách thành viên.

d) Thư ký Hội đồng là Phó trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ).

2. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp sở, ban, ngành, đoàn thể

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc sở, Phó trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch, gồm cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Các Ủy viên Hội đồng, gồm: Tùy theo mô hình tổ chức của các cơ quan, đơn vị sẽ phân công Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính hoặc Chánh Văn phòng của đơn vị làm Ủy viên Thường trực; các đồng chí trưởng các phòng, ban chuyên môn, lãnh đạo tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên thuộc đơn vị làm ủy viên Hội đồng.

c) Thư ký của Hội đồng là Phó trưởng phòng (hoặc Văn phòng) phụ trách công tác thi đua - khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

3. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp huyện

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện,

b) Hội đồng có 02 Phó Chủ tịch, gồm 01 Phó Chủ tịch Thường trực là Trưởng phòng Nội vụ; 01 Phó Chủ tịch là Chủ tịch Liên đoàn Lao động cấp huyện;

c) Các Ủy viên Hội đồng, gồm đại diện lãnh đạo các đơn vị: Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Tổ chức Huyện ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế), Phòng Kinh tế - Hạ tầng (Phòng Công thương), Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin.

d) Thư ký Hội đồng là cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng (Phòng Nội vụ cấp huyện).

Điều 52. Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập; Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của tập thể, cá nhân; hành vi vi phạm, xử lý vi phạm; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng và việc hủy quyết định khen thưởng thực hiện theo Điều 76, 77, 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 54. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Nghị định số 85/2014/NĐ-CP; Thông tư số 08/2017/TT-BNV, các quy định khác của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Quy định này, các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, lực lượng vũ trang và các doanh nghiệp tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ở cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị mình.

3. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và vận dụng Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng và tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, nhân điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị mình.

4. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức kinh tế và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua – Khen thưởng) để nghiên cứu, hướng dẫn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH